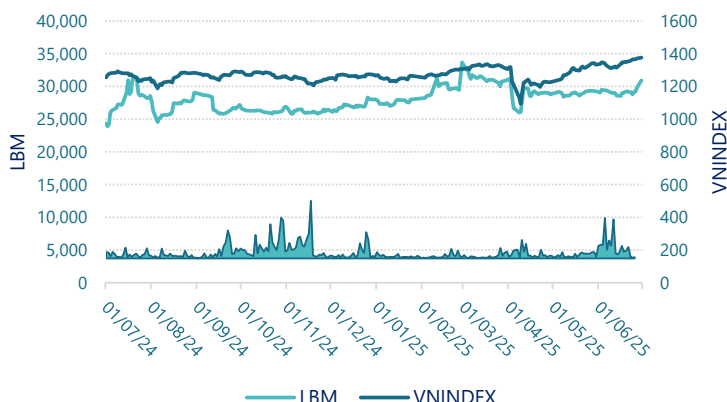


CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (HSX: LBM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	30,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,677
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,910
SL cổ phiếu LH	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	33,330
% sở hữu nước ngoài	14.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,236
P/E	10.9
EPS	2,839

DT thuần

Q2/25

369

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 124 | 50.8%

YoY: ▲ 128 | 53.3%

LN sau thuế

Q2/25

55.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 33.6 | 151%

YoY: ▲ 33.9 | 154%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

18.8%

+/- YoY: ▲ 6.7%

DT thuần

6T 2025

615

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 196 | 46.6%

LN sau thuế

6T 2025

78.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.1 | 66.2%

ROE

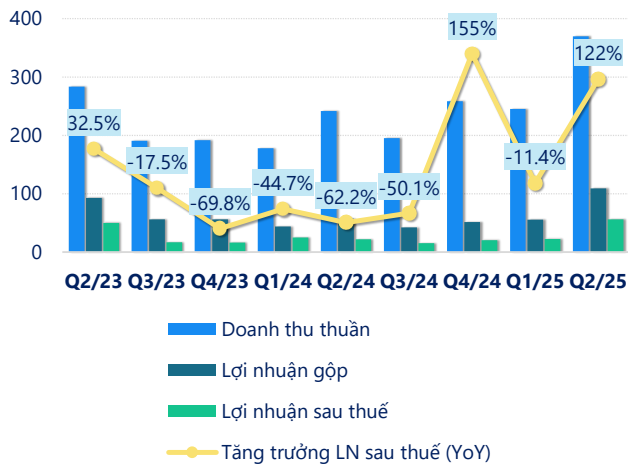
Q2/25

17.5%

+/- YoY: ▲ 4.2%

tỷ VNĐ

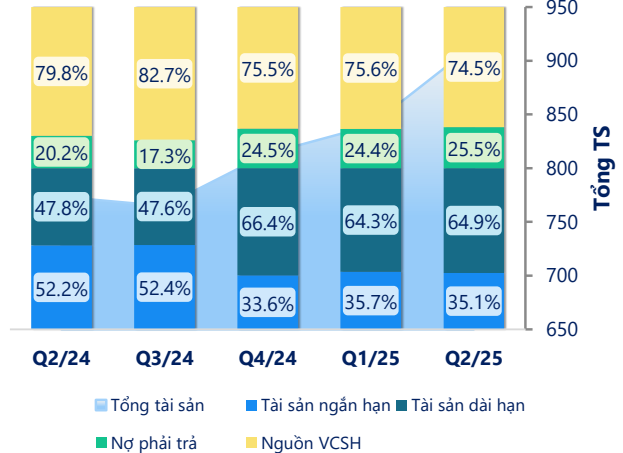
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

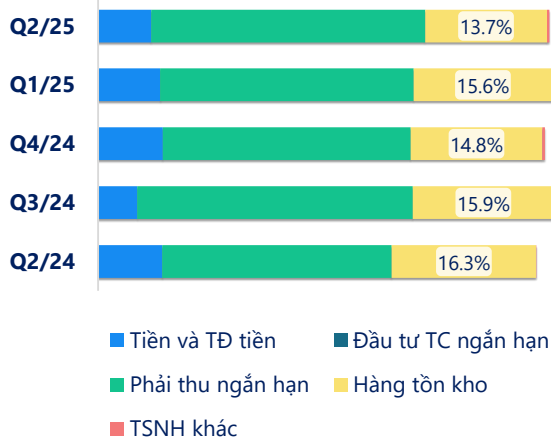
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



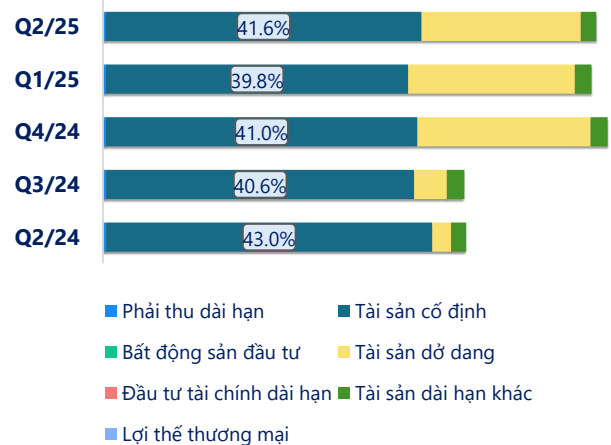
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

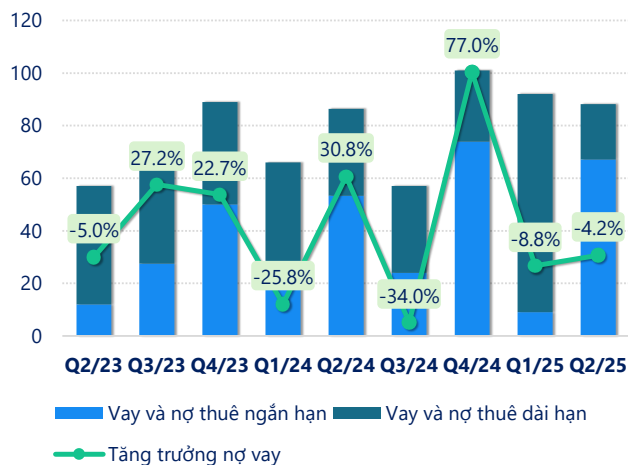
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

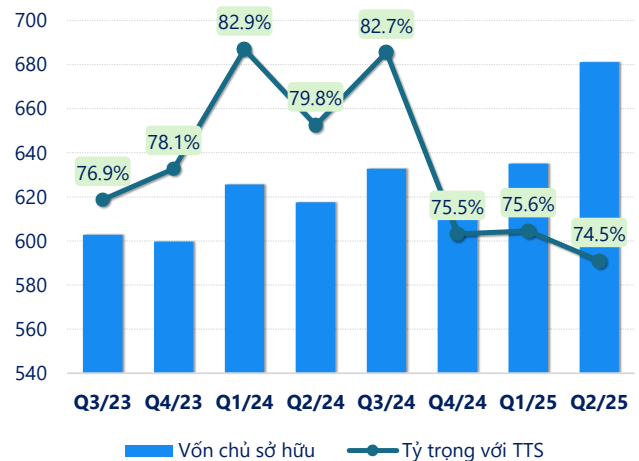
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

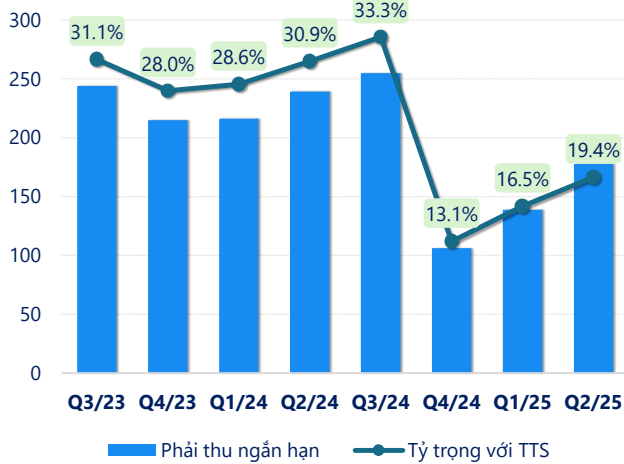
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



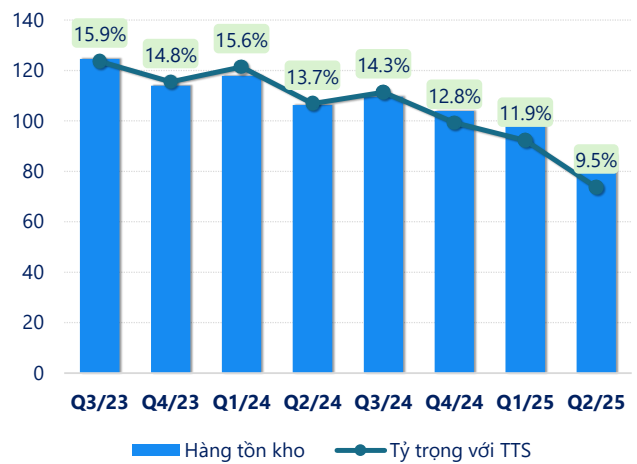
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


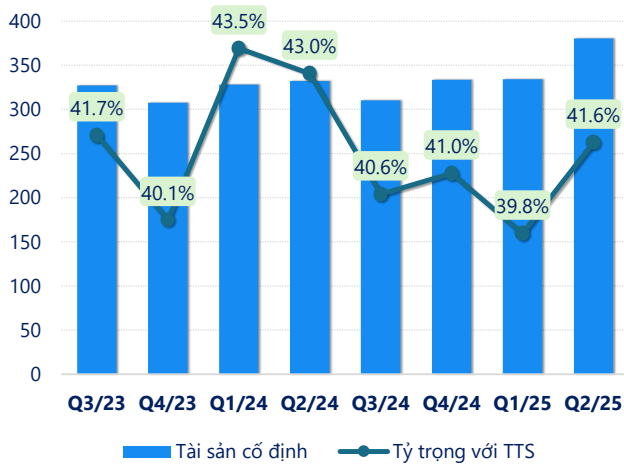
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


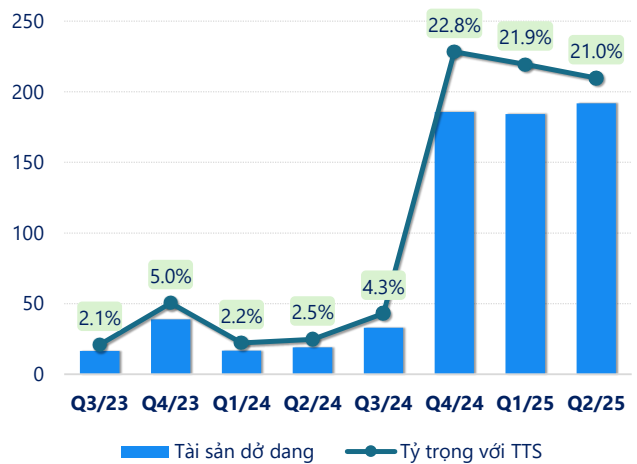
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

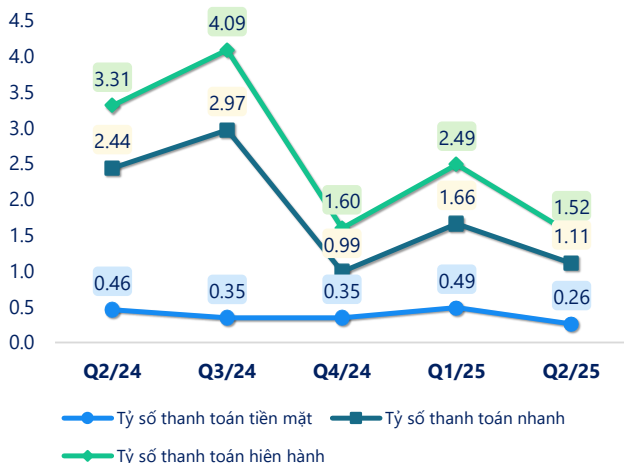
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

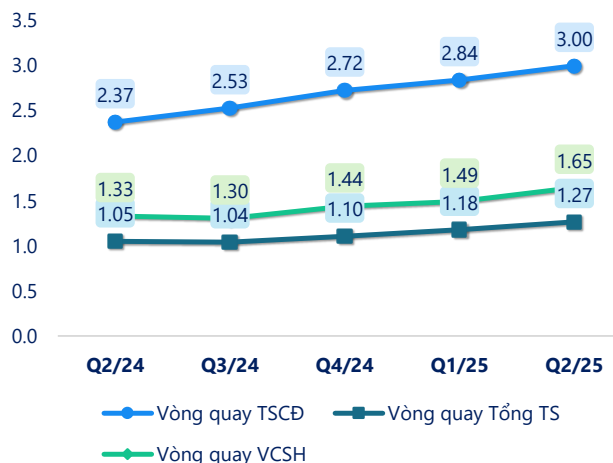
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	773	765	814	840	915
Tài sản ngắn hạn	404	401	273	300	321
Tiền và tương đương tiền	55.9	33.9	59.4	58.8	54.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	239	255	106	139	178
Hàng tồn kho	106	110	104	99.5	86.6
Tài sản ngắn hạn khác	2.27	2.70	3.71	2.29	1.61
Tài sản dài hạn	370	364	540	540	594
Phải thu dài hạn	3.15	3.15	3.20	3.21	3.21
Tài sản cố định	332	310	333	334	380
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	19.1	32.8	186	184	192
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	15.3	17.6	18.0	18.5	18.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	156	132	199	204	234
Nợ ngắn hạn	122	98.1	171	120	212
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.3	24.0	73.9	9.00	67.1
Phải trả người bán ngắn hạn	30.5	28.4	38.6	50.1	45.1
Nợ dài hạn	34.0	34.0	28.0	84.0	22.0
Vay và nợ thuê dài hạn	33.0	33.0	27.0	83.0	21.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	617	633	615	635	681
Vốn chủ sở hữu	617	633	615	635	681
Vốn điều lệ	200	400	400	400	400
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)